

Số: **3097** /QĐ-BNN - XD

Hà Nội, ngày **17** tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu thầu

Dự án Tăng cường năng lực quản lý giống vật nuôi

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ các Quyết định số 3219/QĐ-BNN-XD ngày 31/10/2006 và số 2595/QĐ-BNN-XD ngày 29/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn duyệt Dự án Tăng cường năng lực quản lý giống vật nuôi;

Căn cứ Quyết định số 901/QĐ-BNN-XD ngày 03/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn duyệt kế hoạch đầu thầu Dự án Tăng cường năng lực quản lý giống vật nuôi;

Xét Tờ trình số 71/TTr-CN-BQLDA ngày 26/10/2010 của Cục trưởng Cục Chăn nuôi xin phê duyệt kế hoạch đầu thầu Dự án Tăng cường năng lực quản lý giống vật nuôi và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại báo cáo thẩm định số: 1418 /XD-CĐ ngày 11 / 11 /2010),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt kế hoạch đầu thầu Dự án Tăng cường năng lực quản lý giống vật nuôi có tổng mức đầu tư là: 20.930.059.000đồng (Hai mươi tỷ, chín trăm ba mươi triệu, không trăm năm mươi chín ngàn đồng) với nội dung chính như sau:

1. Phần công việc đã thực hiện: 05 gói thầu với tổng giá trị là: 1.887.794.000đồng (Một tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi tư ngàn đồng).

2. Phần công việc không áp dụng đấu thầu: Bao gồm Ban quản lý dự án; Lệ phí thẩm định dự án; Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giống vật nuôi; Thẩm tra và phê duyệt quyết toán; Dự phòng với tổng giá trị là:

2.621.245.000đồng (Hai tỷ, sáu trăm hai mươi một triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

3. Phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu: 09 gói thầu với tổng giá trị là: 16.421.020.000đồng (Mười sáu tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, không trăm hai mươi ngàn đồng).

Điều 2. Tên gói thầu, giá dự toán gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu, thời gian lựa chọn nhà thầu, thời gian thực hiện hợp đồng và hình thức hợp đồng: Theo phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Cục trưởng Cục Chăn nuôi (Chủ đầu tư) tổ chức thẩm định, phê duyệt các bước thiết kế tiếp theo phù hợp với thiết kế cơ sở đã được duyệt; phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

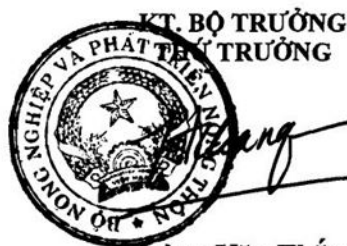
Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đúng cam kết tại Tờ trình số 71/TTr-BQDAG ngày 26/10/2010, khi lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu.

Điều 4. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 901/QĐ-BNN-XD ngày 03/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các: Cục Quản lý xây dựng công trình, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Kho bạc NN Hà Nội;
- Cục Chăn nuôi;
- Vụ TC, KH;
- Lưu: VT, XD.



Hoàng Văn Thắng



ĐIỀU LỆ: Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu

ăng cường năng lực quản lý giống vật nuôi

(Kèm theo Quyết định số 17/2010/QĐ-NN-XD ngày 17/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên gói thầu	Giá dự toán gói thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Phân công việc đã thực hiện	1.887.794					
1	Lập dự án đầu tư	53.040	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	2009/2010	Theo tỷ lệ phần trăm	60
2	Gói số 1: Thiết bị quản lý (Máy tính để bàn; Bộ lưu điện máy tính; Máy in Laser; Máy chiếu Prjector; Camera kỹ thuật số; Máy ảnh kỹ thuật số; Máy tính xách tay; Máy tính để bàn; Loa; Máy Photocopy - theo Quyết định số 205/QĐ-CN-KHTC ngày 05/10/2007)	629.564	Chào hàng cạnh tranh	1 túi hồ sơ	Quý IV/2007	Trộn gói	30
3	Gói số 10: Đánh giá hiện trạng quản lý về giống vật nuôi và đề xuất các giải pháp (theo Quyết định số 110/QĐ-CN-KHTC ngày 05/10/2007)	1.087.791	Tự thực hiện	1 túi hồ sơ	Quý IV/2007	Trộn gói	300
4	Gói số 12: Lập hồ sơ thiết kế BVTC-TDT	95.600	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	2009/2010	Theo tỷ lệ phần trăm	60
5	Gói số 13: Thẩm tra thiết kế BVTC-TDT	21.799	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	2009/2010	Theo tỷ lệ phần trăm	60
II	Phân công việc không áp dụng đấu thầu	2.621.245					
1	Chi Ban quản lý dự án	708.949					
2	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	4.180					
3	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giống vật nuôi	1.554.060					
4	Thẩm tra và phê duyệt Quyết toán	17.600					
5	Dự phòng	336.456					
III	Phân công việc thuộc kế hoạch đấu thầu	16.421.020					
	Gói số 2: Phòng di truyền giống (Máy PCR; Thiết bị phân tích hình ảnh gel điện di tự động; Thiết bị đo nồng độ AND; Hệ thống chuyển AND/ARN từ gel agarose lên mảnh lai; Thiết bị điện di AND; Thiết bị ôn nhiệt; Ly tâm nhỏ); Phòng kiểm tra chất lượng (Bình đựng tinh, phổi; Hệ thống kính hiển vi và phần mềm kết nối máy tính; Máy kiểm tra chất lượng tinh dịch; Phòng sinh hóa, sinh lý; Máy phân tích sinh						

TT	Tên gói thầu	Giá dự toán gói thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Phòng kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm giống vật nuôi (Thiết bị cất đạm Kjeldah; Thiết bị chiết suất chất béo tự động; Tủ sấy; Thiết bị phân tích chất lượng trứng; Thiết bị đo độ dày vỏ trứng; Máy phân tích sữa xách tay; Máy phân tích sữa để bàn); Phòng phụ trợ (Máy cất nước hai lần; Máy lọc nước siêu sạch; Tủ âm; Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Máy đo độ PH; Máy lắc; Bể rửa siêu âm; Bể ổn nhiệt bằng nước; Tủ hút khí độc; Tủ lạnh -80oC; Bộ piet 1 kênh; Bộ piet 8 kênh; Nồi hấp tiệt trùng; Máy khuấy từ gia nhiệt; Bể ổn nhiệt lạnh; Buồng chạy PCR; Máy trộn mẫu; Tủ lạnh 200 lít; Hoá chất; Dụng cụ khác); Thiết bị bổ sung (Tủ lạnh âm sâu; Máy phá mẫu tế bào; Máy ly tâm lạnh cao tốc; Tủ nuôi cấy có lắc; Lò vi sóng; Bộ dụng cụ đo kích thước cơ thể gia súc, gia cầm; Cân điện tử khối lượng lớn; Máy kiểm tra viêm vú bò; Máy xác định động dục bò; Dụng cụ lấy tinh lợn; Dụng cụ lấy tinh bò, trâu; Thiết bị xác định nồng độ tinh trùng; Máy đo áp suất thẩm thấu; Bình bảo quản mẫu loại lớn; Máy cất nước một lần; Tủ cấy sinh học an toàn cấp II; Tủ ẩm CO2; Quang phổ hấp thụ nguyên tử; Hệ thống phân tích sơ tự động và phụ kiện; Chiết quang kế; Máy đo phân cực để bàn; Máy kiểm tra độ ẩm hạt; Máy quang phổ ngoại khả kiến; Quang kế ngọn lửa; Lò vi sóng phá mẫu; Hệ thống xác định Ecoli và coliform; Máy xác định độ ẩm; Bộ phân cấp kích cỡ hạt nghiền; Máy nghiền mẫu; Thiết bị chuẩn độ tự động; Lò nung)	11.478.285	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý IV/2010	Trộn gói	120
2	Gói số 3: Xây dựng và ban hành hệ thống thông tin quản lý giống vật nuôi (Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý)	1.541.170	Chào hàng cạnh tranh	1 túi hồ sơ	Quý IV/2010	Trộn gói	1080
3	Gói số 4: Nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng giống vật nuôi	666.000	Tự thực hiện	1 túi hồ sơ	Quý IV/2010	Trộn gói	360

TT	Tên gói thầu	Giá dự toán	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
4	Gói số 5: Xây dựng và ban hành hệ thống quy định quản lý giống vật nuôi (Xây dựng mô hình điểm và đánh mã số giống vật nuôi tại 3 tỉnh; Thu thập số liệu, cập nhập thông tin hàng tháng; Xây dựng cơ sở pháp luật về quản lý chất lượng giống vật nuôi)	20.030	Tự thực hiện	1 túi hồ sơ	Quý IV/2010	Trọn gói	360
5	Gói số 6: Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng giống vật nuôi	20.000	Tự thực hiện	1 túi hồ sơ	Quý IV/2010	Trọn gói	360
6	Gói số 7: Lựa chọn nhà thầu (lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu)	20.205	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Theo tiến độ	Theo tỷ lệ phần trăm	Theo tiến độ
7	Gói số 8: Kiểm định, giám sát lắp đặt thiết bị	82.067	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý II/2011	Trọn gói	30
8	Gói số 9: Bảo hiểm công trình	29.143	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý IV/2010	Theo thời gian	Theo tiến độ
9	Gói số 11: Kiểm toán	21.120	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý III/2011	Theo tỷ lệ phần trăm	60
	Tổng cộng	20.930.059					
(Hai mươi tỷ, chín trăm ba mươi triệu, không trăm năm mươi chín ngàn đồng)							